

Số: /QĐ-ĐHQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Quốc tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-ĐHQG ngày 18 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế về việc phân công công tác các thành viên Ban Giám hiệu;

Căn cứ Biên bản họp số 222/BB-ĐHKH&ĐT ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Quốc tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau Đại học tại Tờ trình số 146/TTr-ĐTSDH ngày 28 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trưởng đơn vị các đơn vị và các cá nhân có liên quan thuộc Trường Đại học Quốc tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đinh Đức Anh Vũ

QUY ĐỊNH

Đào tạo trình độ tiến sĩ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQT ngày 29 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Danh mục các từ viết tắt dùng trong quy định:

- TS: Tiến sĩ
- NCS: Nghiên cứu sinh
- ĐHQG-HCM: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- ĐHQT: Đại học Quốc tế
- ĐTSĐH: Đào tạo Sau Đại học
- HĐGSNN: Hội đồng Giáo sư Nhà nước
- WoS: Thuộc danh mục Web of Science
- Scopus: Thuộc danh mục Scopus
- Tác giả chính: Tác giả đứng thứ nhất hay tác giả liên hệ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về đào tạo trình độ TS tại Trường ĐHQT, bao gồm: các quy định chung; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng TS; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền của cá nhân và đơn vị liên quan; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng: các đơn vị chuyên môn, NCS, giảng viên, cán bộ giảng dạy có tham gia chương trình đào tạo TS của Trường ĐHQT, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài mà chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo: chính quy, NCS phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường ĐHQT theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

2. Ngôn ngữ đào tạo là tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Việc đào tạo bằng ngôn ngữ khác do Hiệu trưởng quy định, theo các quy định hiện hành về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ TS từ 03 năm (36 tháng) đối với đối tượng đã có bằng thạc sĩ đến 04 năm (48 tháng) đối với đối tượng chưa có bằng thạc sĩ,

bảo đảm phù hợp với quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và được ghi trong quyết định công nhận NCS kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

4. NCS có thể hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng không sớm hơn quá 01 năm (12 tháng).

Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, NCS được gia hạn để tiếp tục học tập, nghiên cứu. Tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng), bao gồm luôn cả thời gian bảo lưu hoặc tạm dừng trong quá trình học tập (nếu có).

Thời gian đào tạo được tính từ ngày bắt đầu khóa đào tạo theo quyết định công nhận NCS đến thời điểm hoàn thành đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

Thời gian NCS được điều động vào lực lượng vũ trang, nghỉ thai sản theo quy định của nhà nước, bị ốm đau, tai nạn nằm điều trị thời gian dài có xác nhận của bệnh viện hoặc được điều động làm nhiệm vụ quốc gia thì không tính trong thời gian đào tạo.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 3. Loại chương trình đào tạo

Các loại chương trình đào tạo trong phạm vi thực hiện của Quy định này, bao gồm:

1. Chương trình đào tạo do Trường ĐHQT cấp văn bằng:
 - a) Chương trình đào tạo TS;
 - b) Chương trình liên thông từ trình độ thạc sĩ lên trình độ TS.
2. Chương trình liên kết đào tạo giữa Trường ĐHQT với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, được chia thành:
 - a) Chương trình do Trường ĐHQT cấp văn bằng;
 - b) Chương trình do các bên liên kết cùng cấp văn bằng.

Điều 4. Quy định về chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo do các đơn vị chuyên môn xây dựng, nhà trường thẩm định và ban hành, bảo đảm đạt bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo trình độ TS hiện hành.

2. Chương trình đào tạo có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học.

3. Cấu trúc chương trình đào tạo bao gồm: các môn học hoặc học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề (sau đây gọi chung là học phần) và luận án TS, phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo trình độ TS, đáp ứng điều kiện sau:

- a) Nghiên cứu khoa học và luận án TS chiếm tối thiểu 80% chương trình đào tạo.
 - b) Các học phần môn học chiếm tối đa 16 tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - c) Học phần bổ sung cho đối tượng chưa có bằng thạc sĩ tối thiểu 30 tín chỉ.
4. Chương trình đào tạo phải được rà soát, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 05 năm.

5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là những yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực của NCS để được công nhận tốt nghiệp; phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo và yêu cầu của các bên liên quan; đáp ứng chuẩn đầu ra quy định cho bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Điều 5. Phương thức đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện theo hai phương thức:

1. Phương thức 1:

a) NCS phải học môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, sử dụng toàn thời gian nghiên cứu khoa học, thực hiện tiểu luận tổng quan, chuyên đề và luận án

b) NCS phải báo cáo tiểu luận tổng quan trong vòng 01 năm (12 tháng) tính từ khi nhập học;

c) Kết quả nghiên cứu: NCS là tác giả chính công bố tối thiểu 04 bài báo trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN, có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án, trong đó có 03 bài đăng trên tạp chí WoS/Scopus; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do HĐGSNN quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).

2. Phương thức 2:

a) NCS phải học môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, học các học phần của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực hiện tiểu luận tổng quan, chuyên đề và luận án;

Tổng khối lượng nghiên cứu khoa học và luận án TS phải chiếm tối thiểu 80% chương trình đào tạo.

b) Kết quả nghiên cứu:

- NCS khối ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ: là tác giả chính công bố tối thiểu 02 bài báo khoa học, trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí WoS/Scopus và 01 bài công bố trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN hoặc 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do HĐGSNN quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

- NCS các khối ngành còn lại: là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do HĐGSNN quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

- Hoặc là tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế và ít nhất 01 bài công bố trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN hoặc 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước

được HĐGSNN quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên (áp dụng cho NCS tất cả các ngành);

- Các bài báo, báo cáo khoa học, kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phải liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án. Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án trên cơ sở đề xuất đơn vị chuyên môn.

- Các công bố tại Điều 5, Điều 19 và Điều 20 tính theo điểm do HĐGSNN quy định đối với ngành, liên ngành phù hợp với ngành đào tạo của NCS, được cập nhật theo các quy định hiện hành và quy định của Trường ĐHQT.

3. Trong quá trình học, NCS được chuyển đổi phương thức đào tạo nhưng phải đáp ứng yêu cầu của phương thức đào tạo muốn chuyển sang và còn trong thời gian đào tạo theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 6. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo là tỉnh hoặc thành phố nơi đặt trụ sở chính hoặc phân hiệu của Trường ĐHQT đã được ĐHQG-HCM cho phép hoạt động đào tạo.

2. NCS có thể học một số học phần, tiến hành nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đơn vị khác theo thỏa thuận giữa Trường ĐHQT và đơn vị đối tác.

Điều 7. Tổ chức đào tạo

1. Đầu khóa học, phòng ĐTSĐH thông báo cho NCS về quy định đào tạo, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần; kế hoạch học tập, nghiên cứu; các quy định của Trường ĐHQT. Việc thay đổi, điều chỉnh chương trình đào tạo phải thực hiện theo quy định hiện hành; phải được công bố và hướng dẫn cho NCS trước khi áp dụng.

2. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, NCS được nhận Quyết định nhập học, công nhận tên đề tài và cán bộ hướng dẫn, và học phần bổ sung kiến thức cần hoàn thành.

3. Chương trình đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, nhà trường thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM.

4. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình đào tạo; quy định chi tiết về việc nghiên cứu khoa học của NCS tùy theo yêu cầu của từng lĩnh vực, ngành đào tạo cụ thể, phù hợp với điều kiện của từng đơn vị chuyên môn.

5. Sau khi đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, Phòng ĐTSĐH trình Ban Giám hiệu ra quyết định công nhận tên đề tài luận án chính thức của NCS.

6. Việc chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo, trao đổi NCS, nghỉ học tạm thời, điều kiện công nhận và chuyển đổi tín chỉ, đánh giá học phần: áp dụng theo quy chế của ĐHQG-HCM.

Điều 8. Công nhận tín chỉ, kết quả học tập và nghiên cứu

1. Người học dự bị TS được tích lũy không quá 50% số tín chỉ trong chương trình đào tạo TS tương ứng. Các bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu trong quá trình học dự bị TS, liên quan đến đề tài nghiên cứu trình độ TS, được sử dụng trong quá trình làm NCS chính thức.

2. Đối với ngành được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều cơ sở đào tạo trong ĐHQG-HCM, NCS được quyền đăng ký và tích lũy không quá 25% số tín chỉ học phần giảng dạy ở cơ sở đào tạo khác nếu được Trường ĐHQT chấp nhận.

3. Đối với chương trình trao đổi NCS, số tín chỉ mà NCS tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% số tín chỉ của chương trình đào tạo. Riêng đối với các cơ sở đào tạo thuộc Đại học quốc gia, số tín chỉ có thể tích lũy không vượt quá 50% số tín chỉ của chương trình đào tạo.

4. Đối với NCS chuyên ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo: việc công nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy và các học phần mà NCS cần bổ sung (nếu có) do Trường ĐHQT quyết định.

5. NCS không thể hoàn thành chương trình TS và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

6. NCS đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là NCS mới của Trường ĐHQT: việc công nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy do Hiệu trưởng quyết định dựa trên đề xuất của đơn vị chuyên môn, tối đa không quá 50% số tín chỉ của chương trình đào tạo.

7. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng hoặc đơn vị chuyên môn và trong thời gian không quá 7 năm kể từ ngày hoàn thành kết quả học tập, nghiên cứu.

8. Quy trình thực hiện việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của NCS:

a) NCS nộp đơn xin xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của mình sau khi trúng tuyển chương trình TS của nhà trường.

b) Đơn vị chuyên môn xem xét đơn của NCS và đề xuất việc công nhận, chuyển đổi, công nhận kết quả học tập cho Phòng Đào tạo Sau Đại học.

c) Phòng ĐTSĐH kiểm tra và trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

d) Ra quyết định công nhận việc công nhận, chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu cho NCS.

Chương IV

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 9. Yêu cầu chung đối với luận án TS và đánh giá luận án

1. Yêu cầu chung đối với luận án TS:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Luận án TS có khối lượng không vượt quá **200 trang A4 (không tính phần phụ lục)**. Các yêu cầu cụ thể về nội dung, khối lượng, cách thức trình bày luận án, trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo do đơn vị chuyên môn quy định;

c) Cấu trúc của luận án được quy định tại Phụ lục của quy định này.

d) Tuân thủ quy định về kiểm soát đạo văn và liêm chính học thuật của Trường ĐHQT và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Luận án TS được đánh giá theo quy trình sau:

a) Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn;

b) Phản biện độc lập luận án;

c) Đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

Điều 10. Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn

1. Việc đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn là một hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, hỗ trợ NCS hoàn thiện luận án trước khi bảo vệ chính thức, công khai với tất cả những ai quan tâm (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

2. NCS được đăng ký đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành các học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề theo quy định tại Điều 4 và Điều 5;

b) Đã hoàn thành luận án TS đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 9;

c) Đã công bố kết quả nghiên cứu theo quy định tại Điều 5;

d) Đã thực hiện các nhiệm vụ của NCS theo quy định của Trường ĐHQT;

đ) Tập thể hoặc người hướng dẫn NCS đề nghị cho NCS được đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

3. Thành phần của Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn

a) Số lượng thành viên Hội đồng: Hội đồng gồm tối thiểu 05 thành viên; trong đó số thành viên ngoài Trường ĐHQT tối thiểu là 02 người.

b) Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và các Ủy viên.

c) Thành viên Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ TS quy định tại Điều 19.

d) Đại diện tập thể hướng dẫn NCS có thể tham gia Hội đồng đánh giá luận án với tư cách là ủy viên.

4. Quy định về việc đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn:

a) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp chuyên môn khi thành viên Hội đồng vắng mặt 01 người, trường hợp Hội đồng 05 thành viên; hoặc vắng mặt quá 01 người, trường hợp Hội đồng hơn 05 thành viên; hoặc vắng mặt chủ tịch; hoặc vắng mặt thư ký;

b) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án bỏ phiếu không tán thành;

c) Hội đồng có quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua, xác nhận tên đề tài chính thức của luận án TS;

d) Diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết.

đ) Trong trường hợp cần tổ chức đánh giá luận án trực tuyến, đơn vị chuyên môn xin ý kiến Hiệu trưởng và áp dụng theo các quy định của Quy chế của ĐHQG-HCM.

Điều 11. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá cấp cơ sở đào tạo. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Trường ĐHQT và ĐHQG-HCM trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án TS và quyết định cho NCS bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ngoài Trường ĐHQT, ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng TS khoa học, TS; đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn chính quy định tại Điều 20 của Quy định này, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với NCS;

b) Không có lợi ích liên quan trực tiếp tới NCS và người hướng dẫn; không là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ NCS và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Trường ĐHQT gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp có 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Trường ĐHQT yêu cầu NCS và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Trường ĐHQT yêu cầu phản biện độc lập gửi nhận xét luận án trong thời hạn theo thư mời phản biện. Sau 30 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn, nếu không nhận được bản nhận xét luận án, Trường ĐHQT có thể mời phản biện độc lập khác thay thế.

5. Cho đến khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường ĐHQT; đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập; các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, không tiếp xúc với NCS hay người hướng dẫn.

6. Thời gian thực hiện phản biện độc lập trong vòng 06 tháng tính từ ngày NCS nộp đầy đủ các hồ sơ để phản biện độc lập theo quy định của nhà trường; trong trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến 03 phản biện độc lập hoặc lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

7. Quy trình thực hiện phản biện độc lập

a) Đơn vị chuyên môn gửi danh sách các NCS đủ điều kiện phản biện độc lập cho Phòng Đào tạo Sau Đại học.

b) Căn cứ vào hướng nghiên cứu của NCS, Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau Đại học đề xuất cán bộ phản biện độc lập và trình cho Hiệu trưởng phê duyệt.

c) Khi có danh sách Cán bộ phản biện độc lập, Phòng Đào tạo Sau Đại học liên hệ và gửi hồ sơ phản biện cho các Cán bộ phản biện độc lập bao gồm tóm tắt, toàn văn luận án và các công bố khoa học liên quan. Tất cả văn bản đều được bỏ các thông tin liên quan đến NCS và Cán bộ hướng dẫn.

d) Trưởng phòng Phòng ĐTSĐH nhận kết quả phản biện và gửi cho NCS nội dung cần thuyết minh hoặc điều chỉnh trong luận án (đã lược bỏ các thông tin liên quan đến cán bộ phản biện độc lập).

đ) Thời gian phản biện độc lập tối đa là 60 ngày sau khi nhận hồ sơ. Sau thời gian trên, nếu Cán bộ phản biện vẫn chưa có kết quả nhận xét, Phòng ĐTSĐH sẽ đề xuất thay thế bằng Cán bộ phản biện khác.

e) NCS có tối đa 60 ngày để gửi lại điều chỉnh/thuyết minh kể từ khi nhận được góp ý của phản biện độc lập.

g) Việc tăng thêm thời gian phản biện độc lập trong các trường hợp cần thiết do Hiệu trưởng quyết định.

8. Điều kiện được thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế:

a) Đối với phương thức 1: NCS đáp ứng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

b) Đối với phương thức 2:

+ Khối ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ: NCS là tác giả chính của tối thiểu 03 bài báo khoa học trong đó có tối thiểu 02 bài đăng trên tạp chí WoS;

+ Các khối ngành còn lại: NCS là tác giả chính của tối thiểu 03 bài báo khoa học trong đó có tối thiểu 02 bài đăng trên tạp chí WoS/Scopus;

c) Đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án.

d) Quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế của NCS:

- NCS nộp đơn xin xét miễn phản biện độc lập trước khi bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn.

- Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn cho ý kiến về các bài báo xét miễn phản biện độc lập có phù hợp với nội dung của luận án TS.

- Đơn vị chuyên môn gửi công văn cho ý kiến về trường hợp xin miễn phản biện độc lập của NCS.

- Phòng ĐTSĐH kiểm tra các thông tin và trình Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt.

- Ra Quyết định công nhận việc miễn phản biện độc lập cho NCS.

- Báo cáo tổng hợp cho ĐHQG-HCM các trường hợp được miễn phản biện độc lập theo định kỳ.

Điều 12. Điều kiện đề nghị đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

1. Luận án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị đưa ra đánh giá ở cấp cơ sở đào tạo;
2. Luận án của NCS được các phản biện độc lập theo quy định tại Điều 11 của Quy định này tán thành.
3. Hoặc luận án của NCS được miễn phản biện độc lập theo quy định tại khoản 8, Điều 11 của Quy định này.

Điều 13. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

1. Số lượng thành viên Hội đồng: Hội đồng gồm tối thiểu 05 thành viên; trong đó số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư, TS khoa học không quá 02 người, số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 02 người.
2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 02 phản biện đối với Hội đồng 05 thành viên, hoặc 03 phản biện đối với Hội đồng trên 05 thành viên, và các ủy viên; trong đó có 01 phản biện là người của Trường ĐHQT, các phản biện còn lại là người thuộc các đơn vị khác nhau bên ngoài.
3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:
 - a) Thành viên Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ TS quy định tại Điều 19. Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng (trừ thư ký Hội đồng) quy định như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 20 của Quy định này;
 - b) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án của NCS; chủ tịch Hội đồng, thư ký và các phản biện không được là đồng tác giả với NCS trong những công trình công bố có liên quan đến luận án.
4. Những người không được tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo: người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) của NCS, cấp dưới trực tiếp của NCS.
5. Đại diện tập thể hướng dẫn NCS có thể tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo với tư cách là ủy viên.

Điều 14. Đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

1. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của NCS đạt quy trình phản biện độc lập, cơ sở đào tạo phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.
2. Quy định về việc tổ chức đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo:
 - a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi bảo vệ luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường và ĐHQG-HCM (trừ trường hợp bảo vệ luận án theo chế độ mật);
 - b) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo khi thành viên Hội đồng vắng mặt 01 người, trường hợp Hội đồng 05 thành viên; hoặc vắng mặt quá 01 người, trường hợp Hội đồng hơn 05 thành viên; hoặc vắng mặt chủ tịch; hoặc vắng mặt thư ký;
 - c) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án được thông qua nếu

không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án bỏ phiếu không tán thành;

d) Hội đồng có quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua;

đ) Diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết.

3. Quy trình tổ chức bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo:

a) Căn cứ vào kết quả phản biện độc lập của NCS, đơn vị chuyên môn đề xuất danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở

b) Phòng ĐTSĐH kiểm tra danh sách đề xuất đáp ứng theo quy định và trình cho Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

c) Phòng ĐTSĐH liên hệ và gửi hồ sơ luận án cho các thành viên Hội đồng bao gồm Quyết định thành lập Hội đồng, tóm tắt, toàn văn luận án và các công bố khoa học có liên quan.

d) Các thành viên Hội đồng gửi nhận xét luận án trước bảo vệ cho phòng ĐTSĐH trước ngày bảo vệ luận án.

đ) Phòng ĐTSĐH công bố công khai thời gian, địa điểm tổ chức buổi bảo vệ luận án, tóm tắt luận án trên trang thông tin điện tử của nhà trường và ĐHQG-HCM ít nhất 10 ngày trước khi bảo vệ luận án.

e) NCS trình bày luận án của mình trước Hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá và nhận xét luận án của NCS, quyết định thông qua hoặc không thông qua bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành). Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án bỏ phiếu không tán thành.

g) NCS thực hiện việc điều chỉnh hoặc thuyết minh luận án theo Quyết nghị và biên bản chi tiết của Hội đồng.

h) Sau khi được Chủ tịch và Thư ký hội đồng đồng ý bản thuyết minh, giải trình (nếu có). NCS hoàn tất các thủ tục đề xin xét tốt nghiệp, hoàn thành chương trình TS.

4. Đánh giá luận án trực tuyến, tổ chức đánh giá luận án trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác: áp dụng theo các quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM.

5. Việc thay đổi tên đề tài luận án sau khi đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo:

a) Luận án có thể điều chỉnh tên đề tài cho phù hợp với kết quả nghiên cứu và theo đề xuất của Hội đồng đánh giá, nhưng phải đảm bảo giữ nguyên hướng nghiên cứu của luận án.

b) Tên đề tài đề xuất điều chỉnh phải được ghi trong quyết nghị và biên bản của hội đồng đánh giá cấp cơ sở đào tạo.

c) Phòng ĐTSĐH trình Hiệu trưởng ban hành quyết định điều chỉnh tên đề tài của luận án sau khi NCS đã hoàn thành các nhận xét, góp ý của Hội đồng đánh giá.

Điều 15. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì nhà trường phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo ĐHQG-HCM kèm theo minh chứng và phải được ĐHQG-HCM đồng ý bằng văn bản.

2. NCS thực hiện những luận án có đề tài được xác định là mật phải thực hiện những quy định và nhiệm vụ chung trừ quy định tại các điểm a khoản 2 Điều 14 của Quy định này. Các yêu cầu về công bố khoa học của NCS có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được Trường ĐHQT xác nhận.

Điều 16. Đánh giá lại luận án ở cấp cơ sở đào tạo

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, nhà trường quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

3. Thủ tục và trình tự tổ chức cho NCS bảo vệ lại luận án được thực hiện như lần bảo vệ thứ nhất, quy định tại khoản 3, Điều 14.

4. Quá hạn 12 tháng kể từ lần bảo vệ thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.

5. Không tổ chức hội đồng đánh giá luận án lần thứ ba.

Chương V

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TS

Điều 17. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Trường ĐHQT phối hợp với ĐHQG-HCM trong công tác thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. ĐHQG-HCM thẩm định ngẫu nhiên trong danh sách NCS đã bảo vệ luận án theo báo cáo của Trường ĐHQT.

2. ĐHQG-HCM thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Thẩm định theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Hồ sơ và quy trình thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án: được thực hiện theo Điều 19, 20, 21 và 22 của Quy chế đào tạo trình độ TS của ĐHQG-HCM ban hành kèm Quyết định số 1688/QĐ-ĐHQG ban hành ngày 18/12/2022.

Điều 18. Cấp bằng TS

1. Điều kiện để xét cấp bằng TS cho NCS:

a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua;

b) NCS đã nộp cho Trường ĐHQT (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận của chủ tịch Hội

đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) NCS đã nộp Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện của Trường ĐHQT (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn;

d) Toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHQT (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng tính đến thời điểm xét cấp bằng TS;

đ) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Điều 17 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định.

2. Hồ sơ xét cấp bằng TS của NCS gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp cơ sở đào tạo;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo;

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng;

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

đ) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn NCS; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo (nếu có);

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện của Trường ĐHQT;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án, nội dung luận án trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHQT và ĐHQG.HCM (trừ những luận án được bảo vệ theo chế độ mật);

h) Lý lịch khoa học cập nhật của NCS.

3. Sau khi NCS đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 và 2 Điều 18, Phòng ĐTSĐH lập danh sách tổng hợp và đưa ra Hội đồng xét tốt nghiệp của nhà trường theo thời gian định kỳ 02 lần/ năm. Các trường hợp xét tốt nghiệp bổ sung sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

4. Sau khi được Hội đồng xét tốt nghiệp thông qua, Phòng ĐTSĐH trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định công nhận học vị và cấp bằng TS cho NCS của nhà trường.

5. Phòng ĐTSĐH thực hiện các thủ tục liên quan để đề nghị ĐHQG-HCM cấp phát phôi văn bằng và thực hiện in văn bằng TS cho NCS đủ điều kiện tốt nghiệp.

6. Phòng ĐTSĐH thực hiện việc cấp bằng TS cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ TS có hiệu lực.

Chương VI

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN CỦA CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 19. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ TS

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng TS khoa học, TS có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo. Đối với cán bộ hướng dẫn thực hành hoặc trợ giảng các học phần thuộc các ngành đặc thù có bằng thạc sĩ phải được Hiệu trưởng Trường ĐHQT xem xét, đề nghị và trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế theo quy định của Trường ĐHQT.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm trở lên kể từ khi có bằng TS;

b) Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do HĐGSNN quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

3. Trách nhiệm và quyền của giảng viên thực hiện theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018 và những quy định sau:

a) Đảm bảo tuân thủ kế hoạch giảng dạy đã công bố;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của nhà trường.

Điều 20. Người hướng dẫn NCS

1. Tiêu chuẩn chung của người hướng dẫn: đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ TS theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19 của Quy định này; trường hợp người hướng dẫn là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài thì phải có thỏa thuận về việc hướng dẫn NCS với cơ sở đào tạo.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành, hoặc bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN, ISSN; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do HĐGSNN quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi NCS có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo trong ĐHQG-HCM hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường ĐHQT theo quy định của pháp luật, với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

4. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 NCS; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng TS khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 NCS; người có bằng TS được hướng dẫn độc lập tối đa 03 NCS. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 NCS được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 NCS.

5. Đối với người hướng dẫn có nhiều công trình khoa học (là tác giả chính có từ 03 công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus mỗi năm, liên tục trong 03 năm gần nhất), có các đề tài hỗ trợ kinh phí cho NCS, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét tăng số lượng NCS được hướng dẫn và báo cáo ĐHQG-HCM, nhưng không quá 50% số NCS tối đa được hướng dẫn.

6. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

b) Hướng dẫn NCS chuẩn bị bài luận hoặc đề cương nghiên cứu trong quá trình đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo TS và tiếp tục hướng dẫn NCS học tập, nghiên cứu nếu NCS trúng tuyển;

c) Hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

d) Thông qua luận án của NCS, đề nghị đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và cấp cơ sở đào tạo nếu luận án đã đáp ứng những quy định của Quy định này và quy định chung của Trường ĐHQT;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của nhà trường.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền của NCS

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

2. Xây dựng, thực hiện kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định của Trường ĐHQT;

3. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của Trường ĐHQT;

4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án;

5. Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, NCS phải công bố hoặc được chấp nhận công bố các bài báo khoa học theo quy định (NCS là tác giả chính); có ghi tên Trường ĐHQT; các bài báo khoa học này phải được thông qua và được tập thể cán bộ hướng dẫn chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài;

6. Trong quá trình học tập, NCS phải dành thời gian tham gia các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại Trường ĐHQT theo sự phân công của đơn vị chuyên môn;

7. Thực hiện các nhiệm vụ đóng học phí, các quy định và quyền khác theo quy định của Trường ĐHQT và quy định của pháp luật.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn (Khoa/Bộ môn/ Trung tâm)

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của NCS; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch;

2. Quản lý NCS trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn;

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ 2 lần/ năm cho NCS;

4. Tổ chức đánh giá luận án của NCS cấp đơn vị chuyên môn; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo;

5. Đánh giá chất lượng và sự phù hợp của các bài báo, công bố khoa học của NCS với đề tài luận án TS;

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của nhà trường.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền của phòng Đào tạo Sau Đại học

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai trên trang thông tin điện tử quy định chi tiết về tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ TS căn cứ những định hiện hành, bao gồm:

a) Việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát chương trình đào tạo;

b) Việc tổ chức và quản lý đào tạo, đăng ký phương thức đào tạo, đánh giá học phần;

c) Việc giải quyết những thay đổi trong quá trình đào tạo: thay đổi hướng nghiên cứu, đề tài luận án; thay đổi người hướng dẫn; chuyển đổi phương thức đào tạo; thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách, chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo; trao đổi NCS, nghỉ học tạm thời; rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập, nghiên cứu của NCS;

2. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho NCS quy định của Trường ĐHQT và những quy định liên quan khác trước khi bắt đầu khóa học.

3. Tổ chức đào tạo theo quy định đã ban hành và chịu trách nhiệm giải trình với các bên liên quan theo quy định hiện hành.

4. Thực hiện công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện các biện pháp tăng cường liêm chính học thuật, kiểm soát chống sao chép và áp dụng những biện pháp xử lý khi vi phạm, đảm bảo tính trung thực của nội dung những luận án TS đã bảo vệ.

6. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đào tạo TS bao gồm: danh sách NCS hằng năm; các đề tài nghiên cứu đã và đang thực hiện; danh sách NCS đã được cấp bằng TS, toàn văn và tóm tắt luận án đã hoàn chỉnh sau đánh giá của Hội đồng cấp cơ sở đào tạo.

7. Công bố công khai các thông tin liên quan về đào tạo, cấp bằng TS, các điều kiện bảo đảm chất lượng trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình theo quy định.

8. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và pháp luật liên quan.

9. Đề xuất việc tiêu hủy các tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo đã hết thời gian lưu trữ, đảm bảo đúng quy định.

Chương VII

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường ĐHQT phối hợp với ĐHQG-HCM trong công tác thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ TS của các cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng TS và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ sở đào tạo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được ĐHQG-HCM thông báo bằng văn bản cho nhà trường.

3. Trường ĐHQT tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án và cấp bằng TS; triển khai các biện pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện được nêu trong kết luận thanh tra, kiểm tra; báo cáo ĐHQG-HCM kết quả thực hiện theo kết luận thanh tra, kiểm tra.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. NCS, giảng viên, người hướng dẫn vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng TS bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

2. NCS bị buộc thôi học chương trình đào tạo TS trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại Điều 2;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của NCS hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của nhà trường ở mức độ buộc thôi học theo quy định.

3. Quy trình, thủ tục cho NCS thôi học.

a) Phòng Đào tạo Sau Đại học lập danh sách các NCS thuộc diện buộc thôi học theo thời gian định kỳ hằng năm, thông báo cho đơn vị chuyên môn và NCS để thuyết minh, giải trình nếu có.

b) Đưa ra Hội đồng xử lý học vụ cho ý kiến đối với các trường hợp NCS thuộc diện buộc thôi học.

c) Ra quyết định thôi học đối với các NCS đã được Hội đồng thông qua.

4. Việc thu hồi bằng TS được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận NCS và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường ĐHQT;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng theo yêu cầu của Quy định này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Điều 17 Quy định này.

5. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023.
2. Căn cứ tình hình thực tế, Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này.

Điều 27. Hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023.
2. Áp dụng điều kiện được thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế theo mục b khoản 8 Điều 11 của Quy định này đối với tất cả các khóa NCS chương trình TS của Trường ĐHQT./.

Phụ lục

CẤU TRÚC VÀ CÁCH TRÌNH BÀY LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQG ngày 29 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

1. Cấu trúc luận án tiến sĩ

a) Cấu trúc theo dạng truyền thống:

I. MỞ ĐẦU: trình bày lý do chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu.

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT: các nền tảng lý thuyết của đề tài luận án; phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án để nêu lên những tồn tại, những khoảng trống về vấn đề nghiên cứu và từ đó chỉ ra những vấn đề mà đề tài luận án cần tập trung nghiên cứu, giải quyết.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP: nhằm mô tả cách tiến hành nghiên cứu như thế nào bao gồm trình bày thiết kế nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, cỡ mẫu, thời gian và địa điểm nghiên cứu, phương pháp thu thập và đo lường số liệu, quy trình thu thập và cách phân tích số liệu.

IV. KẾT QUẢ: trình bày và mô tả các kết quả của nghiên cứu theo các mục tiêu đặt ra không diễn dịch hay bàn luận.

V. THẢO LUẬN: là quá trình phân tích, diễn giải ý nghĩa của kết quả nghiên cứu gồm có tóm lược các kết quả nghiên cứu, so sánh đối chiếu các kết quả với các nghiên cứu trước, giải thích các kết quả nghiên cứu và khái quát hóa ý nghĩa của nghiên cứu. (Tùy đặc thù từng ngành và nội dung cụ thể của nghiên cứu, chương này có thể được bao gồm vào Chương IV hoặc VI)

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ: trình bày những phát hiện mới, những kết quả chủ yếu rút ra từ nghiên cứu theo mục tiêu nghiên cứu, những ứng dụng vào thực hành, các giới hạn và các định hướng nghiên cứu tiếp theo từ các kết luận của nghiên cứu.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO: chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để bàn luận trong luận án.

VIII. PHỤ LỤC

b) Cấu trúc theo dạng tổng hợp bài báo:

I. MỞ ĐẦU: trình bày lý do chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu.

II. TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ THUYẾT: các nền tảng lý thuyết của đề tài luận án; phân tích, đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án để nêu lên những tồn tại, những khoảng trống về vấn đề nghiên cứu và từ đó chỉ ra những vấn đề mà đề tài luận án và các bài báo cụ thể cần tập trung nghiên cứu, giải quyết.

III. TỔNG QUAN PHƯƠNG PHÁP: mô tả tổng quan cách tiến hành nghiên cứu như gồm trình bày thiết kế nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, cỡ mẫu, thời gian và địa điểm nghiên cứu, phương pháp thu thập và đo lường số liệu, quy trình thu thập và cách phân tích số liệu.

IV. BÀI BÁO 01: trình bày nội dung của bài báo 01, bao gồm cả các kết quả phân tích đánh giá.

V. BÀI BÁO 02: trình bày nội dung của bài báo 02, bao gồm cả các kết quả phân tích đánh giá.

VI. BÀI BÁO 03: trình bày nội dung của bài báo 03, bao gồm cả các kết quả phân tích đánh giá.

VII. THẢO LUẬN CHUNG: phân tích tổng quan, diễn giải ý nghĩa của các kết quả nghiên cứu đạt được gồm có: tóm lược các kết quả nghiên cứu, so sánh đối chiếu các kết quả với các nghiên cứu trước, giải thích các kết quả nghiên cứu đạt được và khái quát hóa ý nghĩa của nghiên cứu.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ: trình bày những phát hiện mới, những kết quả chủ yếu rút ra từ nghiên cứu theo mục tiêu nghiên cứu, những ứng dụng vào thực hành, các giới hạn và các định hướng nghiên cứu tiếp theo từ các kết luận của nghiên cứu.

IX. TÀI LIỆU THAM KHẢO: chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới bàn luận trong luận án.

X. PHỤ LỤC

2. Trình bày luận án tiến sĩ

Cách trình bày trang bìa và trang phụ bìa của luận án tiến sĩ.

Mẫu bìa chính của luận án

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(in hoa, Times New Roman, 14)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
(in hoa, Times New Roman, 14, đậm)

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ
(In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 16)

TÊN ĐỀ TÀI
(In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 16,)

LUẬN ÁN TS (CHUYÊN NGÀNH)
(In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)
Mã số Chuyên ngành:

TP.HỒ CHÍ MINH, Năm
(In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)

Mẫu bìa chính của luận án (English)

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY
(Capital, Times New Roman, 14)
INTERNATIONAL UNIVERSITY
(Capital, Times New Roman, 14, bold)

FULL NAME
(*Capital, Times New Roman, 16*)

DISSERTATION TITLE
(*Capital, Times New Roman, 16*)

DOCTOR OF PHILOSOPHY
in (*MAJOR*)
(*Capital, Times New Roman, 14*)
ID:

HO CHI MINH CITY, YEAR
(*Capital, Times New Roman, 14*)

Mẫu trang phụ bìa

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 (in hoa, Times New Roman, 14)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
 (in hoa, Times New Roman, 14, đậm)

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ
(In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)

TÊN ĐỀ TÀI
(In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 16)

CHUYÊN NGÀNH:
MÃ SỐ:
(In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
(Ghi rõ chức danh khoa học, học vị)
 1.....
 2.....
(In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)

TP.HỒ CHÍ MINH, Năm
(In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)

Mẫu trang phụ bìa (English)

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY
(Capital, Times New Roman, 14)
INTERNATIONAL UNIVERSITY
(Capital, Times New Roman, 14, bold)

FULL NAME
(Capital, Times New Roman, 14)

DISSERTATION TITLE
(Capital, Times New Roman, 16)

MAJOR:
ID:
(Capital, Times New Roman, 14)

SUPERVISOR(S):
(Scientific title, academic degree)
1.....
2.....
(Capital, Times New Roman, 14)

HO CHI MINH CITY, YEAR
(Capital, Times New Roman, 14)

Mẫu trang phụ bì dùng bảo vệ cấp cơ sở đào tạo

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 (in hoa, Times New Roman, 14)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
 (in hoa, Times New Roman, 14, đậm)

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ
 (In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)

TÊN ĐỀ TÀI
 (In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 16)

CHUYÊN NGÀNH:
MÃ SỐ:
 (In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
 (Ghi rõ chức danh khoa học, học vị)
 1.....
 2.....
 (In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)

PHẢN BIỆN ĐỘC LẬP:
 (Ghi rõ chức danh khoa học, học vị)
 1.....
 2.....
 (In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 14)

TP.HỒ CHÍ MINH, Năm
 (In hoa, Times New Roman, cỡ chữ 12)

Mẫu trang phụ bìa dùng bảo vệ cấp cơ sở đào tạo (English)

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY

(Capital, Times New Roman, 14)

INTERNATIONAL UNIVERSITY
(Capital, Times New Roman, 14, bold)

FULL NAME

(Capital, Times New Roman, 14)

DISSERTATION TITLE

(Capital, Times New Roman, 16)

MAJOR:

ID:

(Capital, Times New Roman, 14)

SUPERVISOR(S):

(Scientific title, academic degree)

1.....

2.....

(Capital, Times New Roman, 14)

INDEPENDENT REVIEWERS:

(Scientific title, academic degree)

1.....

2.....

(Capital, Times New Roman, 14)

HO CHI MINH CITY, YEAR

(Capital, Times New Roman, 12)